

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày: 26 – 11 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lam

2. Ông Nguyễn Khánh Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Đ, sinh năm: 2001 tại Đồng Nai; CMND số: 272832477 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/02/2020; ĐKKHKT và cư trú: ấp ĐL, xã GT2, huyện TN, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Họ tên cha: TVQ, sinh năm: 1960; Họ tên mẹ: NTTTT, Sinh năm: 1969; chưa có vợ, con; Tiền án: không, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; Bị bắt, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 23/7/2020 đến nay. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

– Bà NTTTT, sinh năm: 1969; Trú tại: ấp ĐL1, xã GT2, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

– Ông NNH, sinh năm: 1964; Trú tại: ấp DM, xã GT1, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Người làm chứng: Anh V, sinh năm: 1985; Trú tại: ấp DM1, xã GT1, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đ là đối tượng nghiện ma túy, không nghề nghiệp. Sáng ngày 23/07/2020, Đ mượn xe mô tô 60X2-1211 của bà NTTT– sinh năm: 1969 (mẹ của Đ) đi công việc. Sau đó, Đ chạy xe đến khu vực nghĩa địa Họ Mẹ, thuộc ấp ĐL, xã GT2 gặp đối tượng tên H (không rõ nhân thân lai lịch) mua 04 tép ma túy đá với giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, Đ đi đến quán cà phê Phương Uyên sử dụng hết 02 tép ma túy. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ được V (Sinh năm: 1985, Hộ khẩu thường trú: ấp DM 1, xã GT 1, huyện TN) gọi điện rủ mang ma túy đến quán cà phê Vườn Trúc (thuộc ấp ĐL 2, xã GT 2, TN, Đồng Nai) để sử dụng. Đ đồng ý và chạy xe mô tô biển số 60X2-1211 mang theo ma túy cất giấu trong túi quần và trong gấu quần đến quán cà phê Vườn Trúc gặp V. Tại đây, khi đang đứng trước cửa chòi, Đ lấy 01 tép ma túy ở trong túi quần bên phải cầm trên tay phải để đưa cho V thì bị Công an bắt quả tang.

Kết luận giám định số 1495/KLGD-PC09 ngày 29/07/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: “Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M1) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1201 gam, loại **Methamphetamine**; Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M2) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,0788 gam, loại **Methamphetamine**”;

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì đối với Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Nai và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng truy tố.

Bản cáo trạng số 99/CT-VKS.TN ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Đ, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

– Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù.

– Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy trọng lượng ma túy còn lại sau giám định là có khối lượng 0,1671gam. Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobiistar màu trắng của Đ sử dụng làm phương tiện gọi điện mua ma túy.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NTTTtrình bày trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa: Bà là mẹ của Đ, là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 60X2 – 1211, số máy: 00132088, số khung 132088, nhãn hiệu Damsan, màu đỏ - đen, bà mua lại xe này của ông NNH, chưa làm thủ

tục sang tên theo quy định, việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng, giá mua xe là 2.700.000đ bà đã thanh toán đủ cho ông NNH. Ngày 23/7/2020, Đ mượn xe của bà để đi mua đồ, sau đó bị công an bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bà không biết Đ sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội nên yêu cầu được nhận lại chiếc xe này. Ngày 07/8/2020 bà đã được công an huyện Thống Nhất trao trả lại chiếc xe mô tô biển số 60X2 – 1211, số máy: 00132088, số khung 132088, nhãn hiệu Damsan, màu đỏ - đen. Bà không có ý kiến, không có yêu cầu gì nữa.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo do thiếu hiểu biết nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận và ăn năn về hành vi của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; tại bản tự khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 23/07/2020, tại quán Cà phê Vườn Trúc (thuộc ấp ĐL 2, xã GT 2, huyện TN, Đồng Nai) Đ có hành vi tàng trữ 0,1989 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng nhưng chưa sử dụng bị công an huyện Thống Nhất phát hiện và bắt quả tang.

Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Luật phòng, chống ma túy quy định các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, nhưng bị cáo tàng trữ ma túy không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nên hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo là hành vi trái phép. Tổng lượng ma túy thu giữ trên người của bị cáo là: 0,1989 gam. Bị cáo tàng trữ ma túy trái phép nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân bị cáo. Hành vi tàng trữ trái phép ma túy của bị cáo nêu trên được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đã trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình. Bị cáo thực hiện hành

vi phạm tội một cách cố ý trực tiếp không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an xã hội.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ kết tội bị cáo Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xem xét để quyết định hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được tác hại của ma túy, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã chống lại nhà nước về phòng, chống, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với tệ nạn ma túy. Lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là 0,1989 gam. Mức hình phạt theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định là từ 01 năm đến 05 năm tù.

[3.2] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, không chỉ nhằm trừng trị bị cáo, mà còn giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục bị cáo tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, cho bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định để bị cáo được lao động, được học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

[3.5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tại phiên tòa bị cáo khai trước khi bị bắt bị cáo đi làm thuê, có thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000đ. Tuy nhiên, từ ngày phạm tội, bị bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo không có thu nhập, Hội đồng xét xử căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành án của người phạm tội nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

[4.1] 02 gói nylon chứa tinh thể màu trắng là ma túy, tổng khối lượng còn lại sau giám định: 0,1671 gam, loại Methamphetamine là chất cấm tàng trữ, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, xét tịch thu tiêu hủy.

[4.2] 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobiistar, màu trắng của bị cáo, bị cáo dùng liên lạc mua ma túy tàng trữ, bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước. (Hiện đang do chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất quản lý, theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ – VKSTN ngày 19/10/2020 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/10/2020 giữa công an huyện Thống Nhất và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

[4.3] 01 xe mô tô biển kiểm soát số 60X2-1211 của bà NTTTT, bà NTTTT không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe có giấy tờ hợp lệ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quá trình điều tra xác định V không liên quan đến hành phạm tội của bị cáo nên không có cơ sở để xử lý.

[6] Đối tượng tên là H, người bán ma túy cho bị cáo chưa xác định được là ai, ở đâu nên chưa có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Điều 106; Điều 333; Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/7/2020.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 0,1671 gam khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động hiệu Mobiistar, màu trắng.

(Vật chứng do chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất quản lý, theo Quyết định chuyển vật chứng số 18/QĐ – VKSTN ngày 19/10/2020 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/10/2020 giữa công an huyện Thống Nhất và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bà NTTT có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông NNH vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát ND H. TN;
- Viện kiểm sát ND T. Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra huyện TN;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện TN;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN;
- Nhà tạm giữ công an H. TN.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát ND H. Thống Nhất;
- Viện kiểm sát ND T. Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra huyện Thống Nhất;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Thống Nhất;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất;
- Nhà tạm giữ công an H. Thống Nhất.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh